

Số: /HD-SNN

Lạng Sơn, ngày tháng 01 năm 2024

HƯỚNG DẪN

Triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2024

Căn cứ Quyết định số 2068/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh về Thực hiện Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 06/11/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021–2025; Kế hoạch số 171/KH-UBND ngày 3/8/2021 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển chăn nuôi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 26/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về kế hoạch tổng thể phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn, giao nhiệm vụ triển khai thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn năm 2024 như sau:

I. ĐỊNH HƯỚNG, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2024

1. Nhận định tình hình chung

Năm 2024, Ngành Nông nghiệp và PTNT có nhiều cơ hội, nhưng cũng có nhiều khó khăn thách thức lớn, Kinh tế-xã hội của đất nước, của vùng phục hồi và có bước tăng trưởng, cùng với đó những kết quả đạt được về phát triển kinh tế - xã hội trong những năm qua và sự phục hồi về kinh tế trong năm 2023 là tiền đề thuận lợi cho kinh tế-xã hội tỉnh Lạng Sơn vươn lên, tạo thuận lợi cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông lâm thủy sản; Những khó khăn, thách thức từ tác động của giá vật tư nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản vẫn ở mức cao, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi tiềm ẩn nguy cơ bùng phát; mưa lũ diễn biến bất thường, nắng nóng gay gắt hơn, nguy cơ hạn hán, thiếu nước nặng nề do tác động của El Nino.... Toàn ngành nông nghiệp quyết tâm đoàn kết, thống nhất thực hiện tốt phương châm hành động năm 2024 của UBND tỉnh đề ra: “Siết chặt kỷ cương, tăng cường trách nhiệm, quyết liệt hành động, sáng tạo, bứt phá”.

2. Định hướng chỉ đạo

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Chương trình, Đề án, chính sách của tỉnh về phát triển nông lâm nghiệp, cụ thể: (1) Nghị quyết

số 06-NQ/TU ngày 25/11/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu trong lĩnh vực nông nghiệp, giai đoạn 2020 - 2030; (2) Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 và Nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của HĐND tỉnh về chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025; (3) Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh về Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ. Thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (4) Nghị quyết số 30-NQ/TU của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh về phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 – 2030; (5) Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2020-2030; (6) Nghị quyết số 46-NQ/TU của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; (7) Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025; (8) Nghị quyết số 95-NQ/TU ngày 20/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cải tạo rừng sản xuất là rừng tự nhiên không có khả năng tự phục hồi để phát triển kinh tế lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022 – 2030; (9) Chương trình hành động số 84-CTr/TU ngày ngày 09/5/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045,

- Tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Chủ động chuẩn bị và triển khai kế hoạch sản xuất đảm bảo thời vụ. Tăng cường công tác khuyến nông, chuyển giao khoa học kỹ thuật; thực hiện các biện pháp phòng, chống bệnh dịch trên cây trồng, vật nuôi. Đẩy mạnh đổi mới các hình thức tổ chức sản xuất nông, lâm nghiệp. Tăng cường công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; thực hiện tốt công tác trồng rừng mới, tăng cường các biện pháp quản lý, bảo vệ, phòng chống cháy rừng. Chủ động các biện pháp phòng ngừa; kiểm soát an toàn thiên tai; kịp thời ứng phó, khắc phục hậu quả nhằm giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra. Tập trung hỗ trợ xây dựng các chuỗi liên kết trong sản xuất nông nghiệp. Hỗ trợ xây dựng mới 05 chuỗi giá trị; chuẩn hóa trên 15 sản phẩm OCOP; hướng dẫn thành lập mới được từ 35 - 40 hợp tác xã nông nghiệp; số Hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đạt 45%. Đẩy mạnh công tác xây dựng mã số vùng trồng các sản phẩm nông nghiệp phục vụ xuất khẩu chính ngạch. Nâng cao chất lượng chương trình nông thôn mới bằng mô hình nông thôn nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Phấn đấu toàn tỉnh năm 2024 có thêm 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới

nâng cao, 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, bình quân 01 xã trên địa bàn tỉnh đạt từ 14,5 - 15 tiêu chí/xã.

- Chỉ đạo tổ chức triển khai có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh đối với các nội dung thuộc lĩnh vực nông lâm nghiệp.

3. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung: Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển nông nghiệp bền vững, sinh thái, giá trị gia tăng cao; nông thôn hiện đại, nông dân văn minh, ấm no; sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên.

b) Một số mục tiêu chính

- Tốc độ tăng trưởng GRDP toàn ngành đạt 3-3,5%;
- Trồng rừng đạt trên 9.000ha, Độ che phủ rừng đạt 64,6%;
- Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh 98,5%; Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đạt 60%;
- Phần đầu toàn tỉnh năm 2024 có thêm 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu;
- Hỗ trợ xây dựng mới 05 chuỗi giá trị; Phần đầu chuẩn hóa trên 15 sản phẩm OCOP.

(Các chỉ tiêu kế hoạch chi tiết như phụ biểu kèm theo)

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại ngành, phát triển nông nghiệp bền vững, sinh thái, hội nhập quốc tế, giá trị gia tăng cao

a) Trồng trọt:

Phát triển trồng trọt hiệu quả, bền vững, đảm bảo vững chắc an ninh trên địa bàn tỉnh; tạo việc làm, tăng thu nhập cho nông dân, góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, chuyển đổi diện tích cây trồng có giá trị kinh tế thấp sang các loại cây có giá trị kinh tế cao. Sử dụng linh hoạt, có hiệu quả diện tích đất trồng lúa, chuyển đổi sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm có hiệu quả, thu nhập cao hơn. Tăng cường sử dụng các loại giống tốt, chất lượng cao, phù hợp với vùng sinh thái, kết hợp với các quy trình thâm canh tốt, áp dụng khoa học công nghệ, áp dụng cơ giới hóa để giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, tăng nhanh giá trị và khả năng cạnh tranh của từng sản phẩm. Diện tích gieo trồng các loại cây trồng nông nghiệp đạt 94.850 ha trong đó diện tích gieo trồng các loại cây lương thực có hạt đạt 67.000 ha; tổng sản lượng lương thực có hạt đạt trên 305.000 tấn/năm.

Tập trung phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn, tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh, của địa phương; đồng thời khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, hỗ trợ mở rộng diện tích áp dụng quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn an toàn (VietGap, GlobalGap, Organic,...). Chú trọng phát triển công nghệ chế biến, bảo quản, giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao giá trị gia tăng và hiệu quả sản xuất các sản phẩm. Nâng cao năng lực giám sát nâng cao năng lực giám sát và dự báo, phòng trừ hiệu quả sâu bệnh trên cây trồng, chủ động phòng ngừa đối với loại sâu bệnh mới. Thực hiện các giải pháp pháp đồng bộ quản lý vật tư đầu vào; Kiểm soát chặt chẽ sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật phù hợp với quy định.

Riêng đối với sản xuất vụ Đông – Xuân năm 2023-2024 chỉ đạo theo hướng mở rộng diện lúa ngắn ngày và lúa lai, lúa chất lượng cao, phân đầu tăng tỷ lệ diện tích được gieo cấy các giống lúa năng suất cao lên 55- 60% trong cơ cấu giống; sử dụng các giống lúa thuần như Khang dân 18, DV108, Kim cương 90, lúa Nhật J02, ... và một số giống lúa lai có năng suất, chất lượng cao như lúa Nhị Ưu 838, TH 3-5, GS55, Sán ưu 63, ... Triển khai gieo mạ tập trung từ 20/02 đến 05/3 và cấy từ giữa đến cuối tháng 3. Đối với cây Ngô xuân, thời vụ gieo trồng từ 20/02 đến 05/3, sử dụng các giống ngô lai cho năng suất, chất lượng cao, có khả năng chống chịu sâu bệnh, chịu hạn tốt như: Bộ giống ngô CP (111, 511, 999, ...); bộ giống ngô NK (6654,4300, 7328, ...); Tập trung gieo trồng và chăm sóc cây rau rải vụ đảm bảo năng suất, chất lượng để cung ứng cho thị trường.

Tập trung ưu tiên đầu tư phát triển các loài cây đặc sản, cây chủ lực có giá trị kinh tế và thị trường tiêu thụ như: Thạch đen, Na, Hồng, Quýt, ... và mở rộng diện tích được cấp mã số vùng trồng (Thạch đen, Ót, cây ăn quả,...) để đáp ứng yêu cầu xuất khẩu. Tăng cường áp dụng tiến bộ kỹ thuật thâm canh để nâng cao năng suất, chất lượng, quan tâm cải tạo phục tráng các vườn cây ăn quả già cỗi năng suất thấp, mở rộng diện tích ở nơi có điều kiện, khuyến khích phát triển vườn cây ăn quả kết hợp chăn nuôi, du lịch sinh thái, trồng cây lâm nghiệp vườn rừng.

Tổ chức thực hiện kinh phí hỗ trợ đất trồng lúa đảm bảo có hiệu quả, đúng mục đích, đúng đối tượng theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP về quản lý, sử dụng đất trồng lúa, trong đó lưu ý sử dụng không thấp hơn 50% kinh phí dùng hỗ trợ cho người trồng lúa để áp dụng giống mới, tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất lúa; hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

b) Chăn nuôi, thủy sản

Thực hiện Chiến lược phát triển chăn nuôi. Ổn định phát triển chăn nuôi lợn sau tác động của dịch tả lợn châu Phi; thực hiện các giải pháp chuyển dịch cơ cấu đàn vật nuôi theo hướng tăng tỷ trọng gia cầm, gia súc ăn cỏ nhằm đáp ứng cơ bản các loại thực phẩm thiết yếu (thịt, trứng). Tiếp tục phát triển chăn nuôi các loài đặc sản có giá trị kinh tế cao (Dê, Ngựa bạch, Ong...).

Phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung gắn với các cơ sở giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; duy trì chăn nuôi nông hộ theo hướng hàng hóa gắn với an toàn sinh học; tiếp tục mở rộng chăn nuôi áp dụng quy trình VietGAP; đẩy mạnh việc khuyến khích phát triển chăn nuôi theo chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi an toàn có sự tham gia đầu tư, kết nối thị trường của các Doanh nghiệp, Hợp tác xã,... Mở rộng phát triển chăn nuôi các loài đặc sản có giá trị kinh tế cao (Dê, Ngựa bạch, Ong...).

Tiếp tục cải tạo, nâng cao năng suất đàn trâu, bò sinh sản, lai tạo các tổ hợp gà thả vườn có năng suất, chất lượng cao, chi phí thức ăn thấp, lựa chọn và phát triển các giống đặc sản địa phương (gà sáu ngón, vịt cỏ xanh).

Phát triển đồng bộ, toàn diện cả khai thác và nuôi trồng thủy sản. Khuyến khích đầu tư phát triển nuôi cá lồng tại các hồ chứa, tận dụng tối đa diện tích để nuôi thả, tăng cường áp dụng quy trình kỹ thuật mới, giống tốt vào nuôi trồng để nâng cao sản lượng. Phát triển nuôi thâm canh, lồng bè tại một số huyện như: Văn Quan, Bình Gia, Tràng Định, Bắc Sơn, Lộc Bình..., ưu tiên nuôi một số loại đặc sản như cá lăng, cá nheo, cá tầm, cá bống... Phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng hiệu quả, bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái: Áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong nuôi trồng thủy sản để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm tiếp tục thực hiện chương trình bảo vệ, tái tạo và bổ sung nguồn lợi thủy sản tại các lưu vực, thủy vực tự nhiên trên sông, hồ chứa.

Công tác thú y: Bố trí nguồn lực để chủ động phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, trong đó chú trọng phòng chống các dịch bệnh nguy hiểm như Cúm gia cầm, LMLM gia súc, dịch tai xanh ở lợn, dại chó mèo, DTLCP, bệnh viêm da nổi cục trâu bò...; Ngăn chặn, tổ chức bao vây dập dịch có hiệu quả khi có dịch bệnh xảy ra; giám sát và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả, quy định chặt chẽ việc quản lý và sử dụng thuốc vật tư thú y; Công tác tiêm phòng đảm bảo đạt trên 80%. Tăng cường các giải pháp khắc phục hạn chế trong công tác quản lý giết mổ, việc xả thải các cơ sở giết mổ ra môi trường; từng bước có lộ trình dừng hoạt động các cơ sở giết mổ nhỏ lẻ, phân tán không đáp ứng tiêu chuẩn trên địa bàn.

c) Lâm nghiệp

Tập trung triển khai có hiệu quả Kế hoạch tổng thể phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 95-NQ/TU ngày 20/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về cải tạo rừng sản xuất là rừng tự nhiên không có khả năng tự phục hồi để phát triển kinh tế lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022 -2030. Chỉ đạo việc đẩy mạnh triển khai có hiệu quả, Nghị quyết, Đề án phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Lạng Sơn; bảo vệ phát triển và sử dụng hiệu quả bền vững diện tích rừng hiện có để làm giàu rừng; tăng cường quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên, triển khai chính sách cải tạo rừng sản xuất là rừng tự nhiên không có khả năng tự phục hồi; kiểm soát chặt chẽ các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng, nhất là các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên; tiếp tục triển khai việc khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung cây bản địa để nâng cao năng suất, chất lượng rừng; tăng cường trồng

rừng mới theo hướng xã hội hóa, nâng cao chất lượng rừng trồng, cải tạo, trồng mới thay thế diện tích rừng hồi già cỗi, năng suất thấp; khuyến khích, hỗ trợ trồng rừng gỗ lớn, trồng rừng có chứng chỉ FSC. Phát huy khai thác tiềm năng lâm sản ngoài gỗ, cây dược liệu...; tăng cường ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chế biến trong đó chú trọng thay thế giống cũ bằng giống mới có năng suất cao chất lượng cao hơn. Phát triển mô hình nông lâm kết hợp, tiếp tục hoàn thiện và thực thi hiệu quả chính sách về chi trả dịch vụ môi trường rừng, đơn đốc triển khai nghĩa vụ trồng rừng thay thế của các dự án.

Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện 06 nội dung¹ thuộc Tiêu dự án 1 "Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân" của Dự án 3 Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đảm bảo đúng với các quy định của Trung ương, của tỉnh, sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ đúng đối tượng, định mức, nội dung thực hiện.

Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư từ NSNN, khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có khả năng đầu tư trồng rừng kinh tế thâm canh có hiệu quả, phân đấu trồng rừng 9.000 ha, trồng cây xanh phân tán 2.223.000 cây; Phân đấu hết năm 2024 tỷ lệ che phủ rừng đạt 64,6%.

Tăng cường năng lực thực thi pháp luật, giảm căn bản tình trạng vi phạm pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, chú trọng công tác phòng cháy chữa cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng. Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả đề án quản lý và sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

2. Phát triển hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; nâng cao năng lực phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu

Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Luật Thủy lợi; Đề án nâng cao năng lực quản lý, đảm bảo an toàn và hiệu quả các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030; Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Kết luận số 36-KL/TW, ngày 23/6/2022 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức khai thác công trình thủy lợi, tổ chức thủy lợi cơ sở; phát huy nội lực và vai trò chủ thể của người dân trong công tác thủy lợi; rà soát, điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ liên quan đến quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Rà soát, đánh giá điều chỉnh nhiệm vụ công trình thủy lợi, tập trung đầu tư hoàn chỉnh hệ thống công trình; trọng tâm là thủy lợi nội đồng phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, gắn với xây dựng nông thôn mới.

¹ . Hỗ trợ khoán bảo vệ rừng; hỗ trợ bảo vệ rừng; hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung; hỗ trợ trồng rừng sản xuất bằng loài cây lấy gỗ, cây lâm sản ngoài gỗ; hỗ trợ trồng rừng phòng hộ; Trợ cấp gạo bảo vệ và phát triển rừng.

Cấp nước nông thôn: Triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chiến lược Quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045. Đẩy mạnh công tác truyền thông, xây dựng, sửa chữa, nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn năm 2024; thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch cải tạo nâng cấp đối với các công trình nước sạch kém hiệu quả; nâng cao tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh.

Triển khai hiệu quả Luật Phòng, chống thiên tai; các Kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 76/NĐ-CP của Chính phủ về công tác phòng chống thiên tai; kế hoạch về thực hiện Chỉ thị số 42/CT/TW của Ban bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó; Nâng cao năng lực truyền thông và nhận thức của cộng đồng, tổ chức về hiệu quả quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng kết hợp xây dựng nông thôn mới. Triển khai thực hiện Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2045 sau khi được phê duyệt.

Tiếp tục duy trì, thường xuyên, nghiêm túc, bài bản công tác trực ban; thường xuyên cập nhật thông tin dự báo, cảnh báo, theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình thiên tai, xây dựng kịch bản và tham mưu đầy đủ, kịp thời giúp tham mưu lãnh đạo tỉnh ứng phó với các đợt thiên tai lớn; chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả, tổng hợp thiệt hại, khắc phục hậu quả, khôi phục sản xuất.

3. Xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập, ổn định và cải thiện điều kiện sống của dân cư nông thôn

Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 theo hướng tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả và đảm bảo tính bền vững; Tiếp tục chỉ đạo các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện nâng cao chất lượng các tiêu chí theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2022-2025. Phấn đấu năm 2024 toàn tỉnh có thêm 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 04 xã nông thôn mới kiểu mẫu; bình quân tiêu chí/01 xã đạt từ 14,5 – 15,0 tiêu chí.

Chú trọng chỉ đạo thực hiện xây dựng "Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu" tại các thôn, bản theo phương châm lấy xây dựng cảnh quan môi trường nông thôn gắn với phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân làm nền tảng, nhằm hình thành các khu dân cư nổi bật về kinh tế, cảnh quan, môi trường. Phấn đấu mỗi huyện, thành phố công nhận được từ 1-2 khu dân cư kiểu mẫu (hoặc thôn kiểu mẫu), xây dựng và công nhận ít nhất 02 vườn mẫu đạt chuẩn.

Tiếp tục chỉ đạo thực hiện duy trì, hoàn thiện các tiêu chí tại các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn trước năm 2022 theo Kế hoạch số 184/KH-UBND ngày 13/9/2023 của UBND tỉnh. Tập trung xây dựng huyện Đình Lập đạt chuẩn NTM theo kế hoạch, năm 2024 hoàn thành một số Tiêu chí về Giao thông, Văn hóa, Giáo dục, Môi trường, xây dựng 01 xã đạt chuẩn NTM, 01 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 02 thị trấn trên địa bàn huyện đạt chuẩn đô thị văn minh.

Tiếp tục phát động Phong trào thi đua “Lạng Sơn cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 -2025”. Đẩy mạnh công tác truyền thông, thông tin tuyên truyền các nội dung về Chương trình nông thôn mới theo hướng thiết thực, cụ thể, nâng cao nhận thức cho cán bộ và cư dân nông thôn, nâng cao chất lượng các phong trào thi đua xây dựng NTM tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021 – 2025.

Tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, nhân rộng mô hình giảm nghèo bền vững, tạo điều kiện để đồng bào tiếp cận tiến bộ kỹ thuật mới, nâng cao năng suất và thu nhập; tập trung hỗ trợ phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người nghèo theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn với chế biến, tiêu thụ; tăng cường kết nối giữa người sản xuất và các doanh nghiệp trong chuỗi giá trị; ưu tiên phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng để nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững. Tập trung huy động tối đa các nguồn lực, lồng ghép các nguồn vốn chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn và các nguồn vốn khác để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, từng bước hoàn thiện các tiêu chí xã nông thôn mới, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu, đặc biệt ưu tiên nguồn lực hỗ trợ ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, chú trọng đầu tư cho các công trình cấp thôn, bản nhằm cải thiện trực tiếp điều kiện sinh hoạt và sản xuất của người dân. Thực hiện hiệu quả Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm”. Xây dựng nông thôn mới phát triển toàn diện, bền vững; nâng cao chất lượng tiêu chí xây dựng nông thôn mới nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, xây dựng hạ tầng kinh tế, xã hội nông thôn đồng bộ và hiện đại; đảm bảo môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn.

4. Đẩy mạnh phát triển các hình thức tổ chức sản xuất mới, hiệu quả

Tổ chức tuyên truyền và triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 25/11/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xây dựng và phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 -2030; Kế hoạch số 174/KH-UBND ngày 21/10/2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn nâng cao chất lượng, năng lực, hiệu quả hoạt động của hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 25/5/2021 phê duyệt Đề án Đổi mới hình thức tổ chức sản xuất, gắn với chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu trong lĩnh vực nông lâm nghiệp giai đoạn 2021 – 2025, định hướng đến năm 2030. Chương trình số 19/CTr-UBND ngày 23/5/2021 của UBND tỉnh Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2025.

Hỗ trợ các HTX liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị thông qua sản xuất kinh doanh các sản phẩm chủ lực, đặc sản của địa phương áp dụng các quy trình sản xuất có chứng nhận, kết nối thị trường; nhân rộng các mô hình tổ chức sản xuất mới, hiệu quả đã được kiểm chứng; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo, nòng cốt, dẫn dắt; phát triển kinh tế trang trại, kinh tế

hộ gia đình và đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trong đó phát huy vai trò của các doanh nghiệp, hợp tác xã.

Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách đặc thù khuyến khích đầu tư, phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2025 theo Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019, nghị quyết số 15/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển nông, lâm nghiệp, tăng tỷ trọng đóng góp của kinh tế tư nhân. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư chế biến và chế biến sâu các sản phẩm nông lâm sản để mang lại giá trị cao; phát triển ngành nghề nông thôn phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, cụm ngành nghề gắn liền với quy hoạch vùng nguyên liệu.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ quản lý nhà nước nâng cao năng lực quản trị Hợp tác xã để đi vào hoạt động thực chất, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp; đẩy mạnh đổi mới và phát triển các hợp tác xã, tổ hợp tác nông nghiệp, phát triển kinh tế trang trại theo hướng tổ chức liên kết giữa nông dân, tổ chức hợp tác của nông dân với doanh nghiệp và các đối tác khác trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2018 -2020, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 5/6/2021 của UBND tỉnh Kế hoạch thực hiện Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2021-2025. Xây dựng kế hoạch triển khai chương trình OCOP năm 2024, mục tiêu phấn đấu có thêm 15 sản phẩm đạt từ 03 sao trở lên, chú trọng nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP; gắn chương trình phát triển OCOP với chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới.

Đẩy mạnh nghiên cứu, dự báo, kết nối thị trường để định hướng sản xuất và quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại, tìm thị trường đầu ra cho sản phẩm nông lâm nghiệp của tỉnh. Tăng cường hỗ trợ nông dân kết nối liên kết với các doanh nghiệp chế biến, hệ thống tiêu thụ sản phẩm, hình thành chuỗi khép kín từ sản xuất đến tiêu thụ; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất nông nghiệp, cơ sở chế biến nông sản quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm, tham gia các hội chợ quảng bá, giới thiệu, tiêu thụ các sản phẩm ở trong tỉnh, ngoài tỉnh và quốc tế.

5. Một số nhiệm vụ, giải pháp khác

5.1. Thúc đẩy chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số vào sản xuất

Tập trung nâng cao năng lực nghiên cứu, tiếp nhận, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông lâm nghiệp, chú trọng khâu chế biến, bảo

quản sau thu hoạch, gắn với bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, xây dựng thương hiệu để nâng cao giá trị gia tăng; quan tâm đặc biệt việc ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào phát triển các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Tăng cường áp dụng các biện pháp tổ chức, quản lý sản xuất theo các tiêu chuẩn tiên tiến (VietGAP, GlobalGAP, HACCP, hữu cơ,...).

Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu và làm chủ một số công nghệ chọn tạo, nhân giống cây trồng, giống vật nuôi và giống thủy sản; nghiên cứu, thử nghiệm đưa vào sản xuất những giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện sinh thái, thổ nhưỡng và có năng suất cao, chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu thị trường. Bình tuyển, phục tráng các giống đặc sản có giá trị cao, đồng thời quản lý và đầu tư phát triển tốt nguồn giống hiện có.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ thông tin phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ số tự động hóa các quy trình sản xuất, giảm chi phí nhân công; đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa từ sản xuất tới thu hoạch, chế biến, bảo quản, đóng gói sản phẩm; Ứng dụng công nghệ số trong xây dựng mã số vùng trồng, truy suất nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm đảm bảo minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm; ứng dụng xây dựng chỉ dẫn địa lý cho các nông sản của tỉnh. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong kết nối, quảng bá và tiêu thụ nông sản; đưa các sản phẩm OCOP, sản phẩm nông nghiệp chủ lực của tỉnh tham gia giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ trên các sàn thương mại điện tử, giúp người dân thay đổi tư duy, phương thức, quy trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, chuyển đổi việc mua bán trên nền tảng công nghệ số.

5.2. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp và vệ sinh an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản

Tổ chức triển khai có hiệu quả Kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện Đề án đảm bảo an toàn thực phẩm, nâng cao chất lượng nông lâm thủy sản giai đoạn 2022-2030 và các văn bản của Trung ương, tỉnh về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm; Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp đối với công tác đảm bảo an toàn thực phẩm.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động bảo đảm an toàn thực phẩm, bằng nhiều hình thức, phù hợp với đặc thù của từng địa bàn; tuyên truyền các chính sách pháp luật về ATTP đến người dân, các cá nhân, tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm và cơ quan quản lý.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra liên ngành, chuyên ngành chức năng quản lý nhà nước của các cơ quan có thẩm quyền, đặc biệt là thanh tra, kiểm tra đột xuất về ATTP.

Kiểm tra chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, nhất là vật tư thiết yếu đầu vào của sản xuất như: giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y....

5.3. Công tác phát triển thị trường, xúc tiến thương mại, hợp tác đối ngoại

Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả các hoạt động xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, phát triển thị trường, quảng bá hàng nông, lâm sản; Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư về tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, góp phần ổn định sản xuất, phát triển thị trường nội địa, tăng cường xuất khẩu đối với các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh; Tăng cường công tác thông tin đồng bộ, kịp thời, dự báo thị trường để đáp ứng yêu cầu định hướng đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp và nông dân; phối hợp hoạt động thông tin thị trường giữa các tổ chức khuyến nông, các câu lạc bộ, các hội, hiệp hội và doanh nghiệp cũng như các sở, ngành để phục vụ yêu cầu chuyển dịch cơ cấu sản xuất gắn với thị trường tiêu thụ.

Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế nhằm tăng cường hợp tác mở rộng thị trường và thu hút các nguồn vốn đầu tư và hỗ trợ kỹ thuật từ bên ngoài để phục vụ cho mục tiêu phát triển nông nghiệp nông thôn.

5.4. Tăng cường thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính: Thực hiện nghiêm túc chủ đề năm 2024 của UBND tỉnh đề ra “*Siết chặt kỷ cương, tăng cường trách nhiệm, quyết liệt hành động, sáng tạo, bứt phá*”. Đổi mới phương pháp lãnh đạo, chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị chuyên môn nâng cao hiệu lực, hiệu quả tham mưu nhiệm vụ; nâng cao, phát huy tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu các đơn vị; tăng cường kiểm tra, đôn đốc, chấn chỉnh việc thực hiện nhiệm vụ.

Tiếp tục triển khai mạnh mẽ và toàn diện cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính để giảm thời gian thực hiện thủ tục và chi phí hoạt động của người dân, doanh nghiệp; tiếp tục rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở và của các đơn vị trực thuộc. Thực hiện đưa ra theo cơ chế một cửa đối với các TTHC được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT.

5.5. Đẩy mạnh công tác đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của ngành Nông nghiệp và PTNT đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc và hội nhập quốc tế; Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế và rà soát sắp xếp tổ chức bộ máy của ngành đảm bảo tinh gọn, hiệu quả.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, Phòng Kinh tế thành phố phối hợp với các phòng chức năng của huyện tham mưu cho UBND huyện, thành phố kịp thời chỉ đạo, định hướng phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp đến các xã, phường, thị trấn, các đơn vị chức năng đóng trên địa bàn; xây dựng kế hoạch triển khai tổ chức, thực hiện; tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc ngay từ cơ sở.

2. Các phòng ban chuyên môn, các đơn vị trực thuộc:

Các phòng ban chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình, chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp, nông thôn đã được ban hành.

Quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chấp hành nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương hành chính, trật tự nội vụ, thực hiện các nội quy, quy chế tại cơ quan.

Chỉ đạo các đơn vị dịch vụ cung ứng vật tư nông nghiệp, dịch vụ thủy lợi thực hiện cung ứng các loại phân bón, giống cây trồng, thuốc thú y, thuốc BVTV và điều tiết nước tưới hợp lý đảm bảo phục vụ kịp thời cho sản xuất Đông - Xuân 2023-2024 và cả năm 2024.

Các đơn vị được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư các chương trình, dự án thực hiện xúc tiến các bước lập hồ sơ thủ tục theo đúng trình tự về xây dựng cơ bản, tổ chức triển khai thi công các công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng.

Thực hiện tốt công tác Thi đua - Khen thưởng. Khen thưởng kịp thời đối với tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Sở Nông nghiệp và PTNT đề nghị UBND các huyện, thành phố, các đơn vị trực thuộc, phòng Nông nghiệp và PTNT các huyện, phòng Kinh tế thành phố tích cực chủ động triển khai, lựa chọn các nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ mang tính bứt phá để tập trung thực hiện ngay từ những ngày đầu năm để đạt được kết quả cao nhất, tạo chuyển biến rõ nét trong ngành.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc, các đơn vị có văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp xin ý kiến chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (B/c);
- Các Sở: KH-ĐT, Tài chính, Nội vụ;
- UBND các huyện, TP;
- Phòng NN&PTNT các huyện, phòng KT TP;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng ban, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Lý Việt Hưng